TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44** /2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà

Ông Lê Truyền Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021; Thông báo v/v dời ngày xét xử vụ án dân sự số 26/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc mở phiên tòa dân sự số 26/TB-TA ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 448/80 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Võ Nguyễn Thành T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 562 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Nguyên đơn - bà Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Võ Nguyễn Thành T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống rất hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2020, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên cải vả nhau, ông T thường xuyên say xỉn về đánh đập tôi, tôi đã nhiều lần nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ

thời gian đó đến nay vợ chồng tôi đã sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định tôi và ông Võ Nguyễn Thành T có 03 con chung tên Võ Thị Phương T1, sinh ngày 12/12/2004; Võ Thị Phương U, sinh ngày 21/8/2006 và Võ Minh Đ, sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay, cả 03 con chung đều đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), mỗi con 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đối với bị đơn, kể từ thời điểm thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Võ Nguyễn Thành T; giao 03 con chung Võ Thị Phương T1, sinh ngày 12/12/2004; Võ Thị Phương U, sinh ngày 21/8/2006 và Võ Minh Đ, sinh ngày 27/5/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng); mỗi con 1.000.000đ/tháng; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Võ Nguyễn Thành T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày thì bà Đỗ Thị H và ông Võ Nguyễn Thành T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông T thường xuyên đánh đập bà H và hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Đỗ Thị H và ông Võ Nguyễn Thành T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà H cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không để kéo dài và không còn tình cảm với ông T nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông Võ Nguyễn Thành T đều không có mặt theo triệu tập; thông báo của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án. Qua đó, thể hiện ông T đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, vợ chồng bà H và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã và được chính quyền địa phương can thiệp nhiều lần, hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đỗ Thị H là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị H trình bày vợ chồng có 03 con chung tên Võ Thị Phương T1, sinh ngày 12/12/2004; Võ Thị Phương U, sinh ngày 21/8/2006 và Võ Minh Đ, sinh ngày 27/5/2015. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông Võ Nguyễn Thành T không tham gia tố tụng nên không có ý kiến về vấn đề này. Xét nguyện vọng của bà H thì thấy, bà H và ông T có 03 con chung, từ khi ông bà không chung sống với nhau thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Đồng thời Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tham khảo ý kiến của cháu U theo quy định pháp luật, cháu mong muốn ở với mẹ là bà Đỗ Thị H. Đối với cháu Võ Thị Phương Tâm bị khuyết tật bẩm sinh và hiện đang được bà H trực tiếp chăm sóc nên để không làm xáo trộn cuộc sống của các con chung thì nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung của bà H là phù hợp.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng: Bà Đỗ Thị H yêu cầu ông Võ Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), mỗi con 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, các con của bà H hiện đang ở độ tuổi ăn học, cần có đủ chi phí để lo cho cuộc sống của các con; mặt khác bà H còn phải chăm sóc cháu Phương Tâm bị khuyết tật nên cần có sự chia sẻ và trách nhiệm của ông T đối với các con. Do đó yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà H là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[7] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Đỗ Thị H đối với ông Võ Nguyễn Thành T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Võ Nguyễn Thành T.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06, quyển số 01/2005, ngày 12 tháng 01 năm 2005 của UBND thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam)

2. Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị H và ông Võ Nguyễn Thành T có 03 con chung tên Võ Thị Phương T1, sinh ngày 12/12/2004; Võ Thị Phương U, sinh ngày 21/8/2006 và Võ Minh Đ, sinh ngày 27/5/2015.

Giao 03 con chung Võ Thị Phương T1, sinh ngày 12/12/2004; Võ Thị Phương U, sinh ngày 21/8/2006 và Võ Minh Đ, sinh ngày 27/5/2015 cho bà Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Võ Nguyễn Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) (Mỗi con 1.000.000đ). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005326 ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Ông Võ Nguyễn Thành T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà